

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HS-ST
Ngày 15 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Kim Loan và ông Vũ Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà H' Ra Chen là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 36/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Văn Thị M (tên gọi khác: **Mai H**), sinh năm 1969 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Văn Đức N và con bà Nguyễn Thị T (đều đã chết); có chồng là anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1968 (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1997.

Nhân thân: Ngày 07/6/2001 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 83/HS-ST, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phúc thẩm tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tại bản án hình sự phúc thẩm số 269C/HSPT ngày 20/9/2001. Ngày 11/10/2001, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” tổng hợp hình phạt của bản án hình sự phúc thẩm số 269C/HS-PT ngày 20/9/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, buộc phải chấp hành phạt chung là 15 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 164/HSST, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk

Lắc xử phúc thẩm sửa phần tổng hợp hình phạt và tuyên phạt 09 tháng tù, tại bản án hình sự phúc thẩm số 307/HS-PT ngày 05/12/2001. Ngày 18/12/2002, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 15 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” tổng hợp hình phạt 06 tháng tù treo của bản án hình sự phúc thẩm số 269C/HS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, buộc phải chấp hành phạt chung là 21 tháng tù, tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/HS-ST. Ngày 24/01/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/HS-ST. Ngày 04/12/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 303/HS-ST. Ngày 12/3/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/HS-ST. Ngày 26/11/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/HS-ST.

Tiền án: 02 tiền án. (Ngày 14/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/HS-ST, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích. Ngày 10/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 04 năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 với tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/4/2023, hiện đang bị tạm giam - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Chị Trần Thị X, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

- Chị Vũ Hồng Ngọc T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn 12, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đoàn Thị Xuân L, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn G, xã Tam Giang, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Mai Xuân T2, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/4/2023, Văn Thị M từ tỉnh Đắk Lắk đến thuê phòng ở tại nhà nghỉ Thanh Tâm thuộc tổ dân phố 01, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 18/4/2023, Mai thuê anh Mai Anh T2 điều khiển xe mô tô biển số 48F6-8526 chở Mai từ thị trấn Đắk Mil đến chợ Đắk Buk So thuộc thôn 04, xã Đắk Buk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Khoảng 08 giờ cùng ngày, khi đến chợ Đắk Búk So, M nói anh T2 đứng ngoài chờ còn M mang theo một túi xách màu trắng đi bộ vào chợ, khi đi ngang sạp bán trái cây của chị Trần Thị X, M phát hiện có một túi xách màu đen để bên trong sạp, quan sát thấy chị X không để ý nên M đi vòng ra phía sau lấy trộm túi xách của chị X bỏ vào túi xách của mình rồi đi nhanh ra trước cổng chợ, yêu cầu anh T2 chở về lại thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil. Khi đi đến bãi đất trống thuộc thôn Thuận Tân, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, M nói anh T2 dừng xe và đi bộ vào trong bãi đất trống kiểm tra túi xách lấy trộm được của chị X thấy bên trong có 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 thẻ ATM Agribank đều đứng tên chị Trần Thị X, số tiền 2.200.000 đồng và 04 nhẫn kim loại màu vàng. M lấy bỏ vào túi xách của mình rồi vứt túi xách màu đen bên trong chứa giấy tờ tùy thân của chị X vào bụi cây. Sau đó, tiếp tục yêu cầu anh T2 chở đến tiệm vàng Kim Luân thuộc thôn Đức Ái, xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông bán 04 nhẫn kim loại màu vàng cho chị Đoàn Thị Xuân L được số tiền 27.250.000 đồng. Sau đó, anh T2 chở M về nhà nghỉ Thanh Tâm, Mai trả tiền công cho anh T2 300.000 đồng. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, chị Trần Thị X phát hiện bị mất túi xách nên trình báo Công an huyện Tuy Đức. Qua xác minh xác định Văn Thị M là người trộm cắp tài sản của chị X nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã tiến hành bắt giữ.

Trong quá trình điều tra, Văn Thị M còn khai nhận: Vào khoảng 08 giờ ngày 15/4/2023, M thuê anh T2 chở từ nhà nghỉ Thanh T đến chợ Hòa Phú, thuộc thôn 02, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng hơn 09 giờ cùng ngày, khi đến nơi M nói anh T2 đứng ngoài chờ còn M mang theo túi xách màu trắng đi bộ vào chợ, khi đi ngang ki ốt bán quần áo của chị Vũ Hồng Ngọc T, M phát hiện có một ví màu đen để bên trong ki ốt, quan sát thấy chị T không để ý nên M lấy trộm chiếc ví bỏ vào túi xách của Mai rồi đi ra xe yêu cầu anh T2 chở về nhà nghỉ Thanh Tâm. Trên đường về, Mai kiểm tra trong ví của chị T có 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 thẻ ATM ngân hàng ACB đều mang tên chị Vũ Hồng Ngọc T và số tiền 14.000.000 đồng, M lấy tiền bỏ vào túi xách của mình rồi vứt chiếc ví màu đen và giấy tờ của chị T trên đường đi (không xác định được vị trí). Sau khi M khai nhận hành vi trộm cắp tài sản

trên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã thông báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tìm bị hại và xử lý theo quy định.

Tại thông báo kết quả giám định số 00243/N11.23/TĐ ngày 30/5/2023 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 thuộc Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Bộ khoa học và công nghệ, kết luận: 01 nhẫn bằng hợp kim vàng, khối lượng 7,5072 gam, thành phần hóa học 99,78% vàng, 0,22% bạc, 23 Kara; 01 nhẫn bằng hợp kim vàng, khối lượng 3,7503 gam, thành phần hóa học 99,95% vàng, 0,05% bạc, 24 Kara; 01 nhẫn bằng hợp kim vàng, khối lượng 3,7537 gam, thành phần hóa học 99,65% vàng, 0,35% bạc, 23 Kara; 01 nhẫn bằng hợp kim vàng, khối lượng 3,7484 gam, thành phần hóa học 99,99% vàng, 0,01% bạc, 24 Kara.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 23/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Đức, kết luận: 01 nhẫn bằng hợp kim vàng, khối lượng 7,5072 gam, thành phần hóa học 99,78% vàng, 0,22% bạc, 23 Kara có giá trị tại thời điểm ngày 18/4/2023 là 11.138.666 đồng; 01 nhẫn bằng hợp kim vàng, khối lượng 3,7503 gam, thành phần hóa học 99,95% vàng, 0,05% bạc, 24 Kara có giá trị tại thời điểm ngày 18/4/2023 là 5.625.000 đồng; 01 nhẫn bằng hợp kim vàng, khối lượng 3,7537 gam, thành phần hóa học 99,65% vàng, 0,35% bạc, 23 Kara có giá trị tại thời điểm ngày 18/4/2023 là 5.569.333 đồng; 01 nhẫn bằng hợp kim vàng, khối lượng 3,7484 gam, thành phần hóa học 99,99% vàng, 0,01% bạc, 24 Kara có giá trị tại thời điểm ngày 18/4/2023 là 5.625.000 đồng.

Tổng cộng là 27.957.999 đồng (*Hai mươi bảy triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi chín đồng*). Tổng giá trị tài sản Văn Thị M trộm cắp của chị Vũ Hồng Ngọc T và chị Trần Thị X là 44.157.999 đồng (*Bốn mươi bốn triệu một trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi chín đồng*).

Cáo trạng số: 38/CT-VKS-TĐ ngày 03/8/2023, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo Văn Thị M (Mai H), về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại Cơ quan điều tra và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Văn Thị M (Mai H) phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Văn Thị M từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 19/4/2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã ra quyết định xử lý trả lại 01 căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe mô tô; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 thẻ ATM Agribank; 03 nhẫn kim loại vàng, mỗi chiếc có in chữ Thảo Lâm Tuy Đức; 01 nhẫn kim loại vàng, có in chữ Vàng Ròng Thăng Long; 01 túi xách màu nâu đen và số tiền 2.200.000 đồng cho chị Trần Thị X; trả lại 01 xe mô tô biển số 48F6-8526 cho anh Mai Anh T2 và trả lại số tiền 14.000.000 đồng cho chị Vũ Hồng Ngọc T là những chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với số tiền 59.850.000 đồng thu giữ của bị cáo hiện đang nộp tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức cần buộc trả lại số tiền 27.250.000 đồng cho chị Đoàn Thị Xuân L và số tiền 32.600.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho Văn Thị M.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi xách màu trắng không còn giá trị sử dụng do liên quan đến hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trần Thị X và chị Vũ Hồng Ngọc T không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Đoàn Thị Xuân L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 27.250.000 đồng (tiền đã mua bốn nhẫn vàng của bị cáo), tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả số tiền trên cho chị L nên cần buộc bị cáo trả lại cho chị L số tiền 27.250.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền 59.850.000 đồng thu giữ của bị cáo hiện đang nộp tại tài khoản chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức.

Đối với hành vi mua 04 nhẫn vàng của chị Đoàn Thị Xuân L nhưng chị L không biết là tài sản do M trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi của anh Mai Anh T2 chở M đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định, anh T2 không biết Văn Thị M trộm cắp tài sản nên không đề cập xử lý.

Đối với 01 chiếc ví màu đen và 01 chiếc túi xách màu đen của chị Vũ Hồng Ngọc T và chị Trần Thị X. Quá trình điều tra, chị T và chị X không cung cấp được hóa đơn, chứng từ, đặc điểm, đồng thời chị T và chị X đều có đơn không yêu cầu định giá tài sản nên không xem xét giải quyết.

Đối với 01 chiếc ví màu đen bên trong chứa giấy tờ tùy thân của chị Vũ Hồng Ngọc T, Văn Thị M đã vứt bỏ, không xác định được địa điểm nên không có căn cứ để truy tìm.

Tại phiên tòa, bị cáo rất hối hận và không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, thể hiện: Khoảng 08 giờ ngày 18/4/2023 tại sạp bán trái cây của chị Trần Thị X ở thôn 04, xã Đăk Buk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông, Văn Thị M đã có hành vi trộm cắp của chị Trần Thị X một túi xách màu đen bên trong có giấy tờ tùy thân của chị X và số tiền 2.200.000 đồng, 04 nhẫn kim loại màu vàng. Theo kết luận định giá tài sản có giá trị là 30.157.999 đồng. Trước đó, vào khoảng 09 giờ ngày 15/4/2023 tại ki ốt bán quần áo của chị Vũ Hồng Ngọc T thuộc thôn 02, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Văn Thị M còn có hành vi trộm cắp của chị Vũ Hồng Ngọc T một chiếc ví màu đen bên trong có giấy tờ tùy thân của chị T và số tiền 14.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Văn Thị M chiếm đoạt là 44.157.999 đồng. Ngoài ra, Văn Thị M có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, tại bản bản án số 39/2020/HSST ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 04 năm tù, về tội trộm cắp tài sản và bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, Văn Thị M chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nêu trên nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Văn Thị M (Mai H) phạm tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g, Tái phạm nguy hiểm”

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng do ý thức coi thường pháp luật, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 15/4/2023 bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Trinh với giá trị tài sản là 14.000.000 đồng, đến ngày 18/4/2023 tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Xuyên với giá trị tài sản là 30.157.999 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tại phiên tòa các bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[6] Về hình phạt: Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy, bị cáo đã bị xử phạt tù rất nhiều lần về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân trở thành công dân tốt mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại chị Trinh và chị X không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết. Còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã mua vàng của bị cáo là 27.250.000 đồng. Bị cáo đồng ý trả lại số tiền này cho chị L nên cần ghi nhận và buộc bị cáo trả cho chị L số tiền 27.250.000 đồng.

[8] Về việc xử lý vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã ra quyết định xử lý trả lại 01 căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe mô tô; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 thẻ ATM Agribank; 03 nhẫn kim loại vàng, mỗi chiếc có in chữ Thảo Lan Tuy Đức; 01 nhẫn kim loại vàng, có in chữ Vàng Ròng Thăng Long; 01 túi xách màu nâu đen và số tiền 2.200.000 đồng cho chị Trần

Thị X; trả lại 01 xe mô tô biển số 48F6-8526 cho anh Mai Anh T2 và trả lại số tiền 14.000.000 đồng cho chị Vũ Hồng Ngọc T là những chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với số tiền 59.850.000 đồng thu giữ của bị cáo hiện đang nộp tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, trong đó có số tiền 27.250.000 đồng tiền bị cáo bán vàng cho chị L nên cần buộc trả lại số tiền 27.250.000 đồng cho chị Đoàn Thị Xuân L; số tiền còn lại là 32.600.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho Văn Thị M là có căn cứ.

Đối với 01 chiếc túi xách màu trắng của bị cáo liên quan đến hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với hành vi mua 04 nhẫn vàng của chị Đoàn Thị Xuân L nhưng chị L không biết tài sản do M trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của anh Mai Anh T2 chở bị cáo đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định, anh T không biết Văn Thị M trộm cắp tài sản nên không đề cập xử lý.

Đối với 01 chiếc ví màu đen và 01 chiếc túi xách màu đen của chị Vũ Hồng Ngọc T và chị Trần Thị X. Quá trình điều tra, chị T và chị X không cung cấp được hóa đơn, chứng từ, đặc điểm, đồng thời chị T và chị X đều có đơn không yêu cầu định giá tài sản nên không xem xét giải quyết.

Đối với 01 chiếc ví màu đen bên trong chứa giấy tờ tùy thân của chị Vũ Hồng Ngọc T, Văn Thị M đã vứt bỏ, không xác định được địa điểm nên không có căn cứ để truy tìm.

[10] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Văn Thị M (Mai H) phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Văn Thị M (Mai H) **04** (bốn) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Văn Thị M phải trả cho chị Đoàn Thị Xuân L số tiền 27.250.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 59.850.000 đồng (*Năm mươi chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) thu giữ của bị cáo hiện đang nộp tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức (*Theo Lệnh thanh toán ngày 26/5/2023 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch Tuy Đức*)

3. Việc xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã ra quyết định xử lý trả lại 01 căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe mô tô; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 thẻ ATM Agribank; 03 nhẫn kim loại vàng, mỗi chiếc có in chữ Thảo Lan Tuy Đức; 01 nhẫn kim loại vàng, có in chữ Vàng Ròng Thăng Long; 01 túi xách màu nâu đen và số tiền 2.200.000 đồng cho chị Trần Thị X; trả lại 01 xe mô tô biển số 48F6-8526 cho anh Mai Anh T2 và trả lại số tiền 14.000.000 đồng cho chị Vũ Hồng Ngọc T là những chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại cho bị cáo Văn Thị M số tiền 32.600.000 đồng (*Ba mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi xách màu trắng do không còn giá trị sử dụng. (*Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/8/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức*)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Văn Thị M phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06, PC10 - CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- CA huyện Tuy Đức;
- Chi Cục THADS huyện Tuy Đức;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA, THAHS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký và đóng dấu)

Nông Văn Nhu